| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LẠNG GIANG**<br>**TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22-6-2022
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Vũ Thị Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn La

2. Ông Chu Quốc Đạt.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Vũ Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 48/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn Lẻ, xã XH, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

***Bị đơn:** Chị Hà Thị L, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Lẻ, xã XH, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

*(Anh S vắng mặt, có đơn xin vắng mặt; chị L vắng mặt không có lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 22/02/2022 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Nguyễn Văn S trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hà Thị L trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 03/11/2006 tại UBND xã XH, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Anh chị được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Sau khi kết hôn chị L về chung

sống cùng anh và gia đình anh, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2008, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L ham mê cờ bạc, lô đề, ít quan tâm đến gia đình, không làm tròn trách nhiệm của người mẹ, người vợ. Năm 2017, chị L vi phạm pháp luật, bị Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 06 năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Sau đó chị L chấp hành án tại Đội 23, Phân trại số 1, Trại giam Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L.

- Về con chung: Giữa anh và chị L có 02 con chung là Nguyễn Thị Như Quỳnh, sinh ngày 16/8/2007 và Nguyễn Thị Mai Phương, sinh ngày 26/10/2011. Khi ly hôn anh S đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho anh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn chị Hà Thị L trình bày tại bản tự khai như sau:* Thời điểm anh S làm đơn khởi kiện xin ly hôn chị vẫn đang chấp hành án tại Đội 23, phân trại số 1, Trại giam Ngọc Lý, Bộ Công an về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Chị đã nhận được thông báo thụ lý vụ án số 48/TBTL-VA ngày 04/3/2022 của Tòa án gửi thông qua Ban giám thị Trại giam Ngọc Lý. Do trong quá trình chấp hành án, do cải tạo tốt nên chị được giảm án tha tù trước thời hạn. Ngày 08/5/2022 chị đã chấp hành xong hình phạt tù và được trở về với gia đình và xã hội.

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S được tự do tìm hiểu và tự nguyên đến với nhau, anh chị thực hiện đăng ký kết hôn tự nguyên vào ngày 03/11/2006 tại UBND xã XH, huyện LG, tỉnh BG và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh S làm dâu và chung sống cùng bố mẹ anh S tại thôn L1, xã XH. Thời gian đầu vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, kể từ thời điểm ngày 08/02/2017 chị bị bắt tạm giam và bị xét xử về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" nên phải đi chấp hành án tại Trại giam Ngọc Lý thì vợ chồng xa nhau. Thời gian đầu chị đi chấp hành án tại Trại giam Ngọc Lý, anh S vẫn thường xuyên lên thăm gặp tại Trại giam. Từ năm 2019, anh S không lên thăm gặp nữa. Nay anh S xin ly hôn chị thì chị không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của anh S. Lý do chị không đồng ý ly hôn là do bản thân chị vẫn còn tình cảm với anh S, các con đã lớn, việc ly hôn sẽ ảnh hưởng đến tư tưởng tinh thần của các con.

Về con chung: Quá trình chung sống với anh S, giữa chị và anh S có 02 con chung là Nguyễn Thị Như Quỳnh, sinh ngày 16/8/2007 và Nguyễn Thị Mai Phương, sinh ngày 26/10/2011. Hiện nay các cháu đang ở cùng với ông bà nội tại thôn L1, xã XH. Khi ly hôn chị đề nghị Toà án xem xét trên nguyện vọng của 02 con chung vì các cháu đã lớn, đã đủ hiểu chuyên. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung, rụộng đất canh tác: Chị không có yêu cầu gì trong vụ án này.

* Tại biên bản xác minh ngày 15/4/2022 với đại diện chính quyền địa phương, đại diện chính quyền địa phương cho biết như sau: Anh S, chị L là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, anh chị có đăng ký kết hôn hợp pháp. Từ đầu năm 2017, chị L vi phạm pháp luật nên phải đi chấp hành án. Anh S đi làm ăn xa nhà, thi thoảng mới về nhà. Mâu thuẫn giữa anh S và chị L cụ thể ra sao địa phương không nắm được. Giữa anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Như Quỳnh, sinh ngày 16/8/2007 và Nguyễn Thị Mai Phương, sinh ngày 26/10/2011. Hiện các cháu đang được bố đẻ anh Sơn chăm sóc. Địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

* Tại biên bản xác minh của Tòa án với ông Nguyễn Văn Sơn (tên gọi khác Nguyễn Thanh Sơn) – là bố đẻ của anh S, ông Sơn cho biết như sau: Ông là bố đẻ của anh S, chị L là con dâu. Anh S, chị L trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau. Anh chị được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Sau khi kết hôn anh chị đi làm ăn ít về nhà. Năm 2017 chị L phải đi chấp hành án, anh S đi làm ở Bắc Ninh, tháng về thăm nhà 1,2 lần. Hiện nay 02 con chung của anh S và chị L là cháu Nguyễn Thị Như Quỳnh, sinh năm 2007 và Nguyễn Mai Phương sinh năm 2011 vẫn đang ở cùng ông. Nay anh S làm đơn khởi kiện xin ly hôn chị L thì đây là việc riêng của anh S ông không can thiệp. Trường hợp chị L ra tù ông đồng ý để chị L ở lại sinh sống cùng gia đình và chăm sóc các con.

* Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Như Quỳnh, sinh ngày 16/8/200 và Nguyễn Thị Mai Phương, sinh ngày 26/10/2011 các cháu đều trình bày có nguyện vọng được ở cùng với bố.

Anh S có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định nhưng anh S có đơn xin vắng mặt toàn bộ trong quá trình giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mở lần 2 không có lý do. Hội đồng xét xử công bố các lời khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 328, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ vợ chồng xử cho anh S được ly hôn chị L; Về con chung: Giao cả 02 con chung Nguyễn Thị Như Quỳnh, sinh ngày 16/8/200 và Nguyễn Thị Mai Phương, sinh ngày 26/10/2011 cho anh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ chung: không xem xét do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra kiểm sát viên đề nghị HĐXX xem xét về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét (HĐXX) thấy:

[1] Đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn S cùng các tài liệu nộp theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức, nội dung đơn khởi kiện. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình cụ thể là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự pháp luật đã quy định. Đối với nguyên đơn đã chấp hành nghiêm túc, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn còn chưa chấp hành hành nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình, còn vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng

mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 và 328 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh S, chị L có đăng ký kết hôn tại UBND xã XH, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang vào ngày 03/11/2006 nên xác định quan hệ hôn nhân của anh S, chị L là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn S trình bày vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2008, nguyên nhân là do chị L ham chơi cờ bạc, lô đề không quan tâm đến con cái, không làm tròn trách nhiệm của người mẹ, người vợ. Bản thân chị L không muốn ly hôn với lý do chị vẫn còn tình cảm với anh S, mặt khác các con đã lớn, việc ly hôn sẽ ảnh hưởng đến tư tưởng của các con. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh S và chị L đã xa cách nhau một khoảng thời gian dài vì chị L phải đi chấp hành án, nay chị L đã chấp hành án xong tuy nhiên anh S kiên quyết xin hôn. Anh chị hiện không chung sống cùng nhau, không còn quan tâm tới nhau khiến tình cảm vợ chồng bị xa cách, không có khả năng đoàn tụ như vậy mâu thuẫn giữa anh S và chị L đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó HĐXX căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Nguyễn Văn S và chị Hà Thị L ly hôn.

[3] Về con chung: Anh S và chị L đều thừa nhận, quá trình chung sống với nhau anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Như Quỳnh, sinh ngày 16/8/2007 và Nguyễn Thị Mai Phương, sinh ngày 26/10/2011. Khi ly hôn, anh S đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho anh nuôi dưỡng. Chị L đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của các con. HĐXX xét thấy, các con chung Nguyễn Thị Như Quỳnh và Nguyễn Thị Mai Phương đều có nguyện vọng được ở cùng anh S. Chị L hiện nay mới chấp hành án xong, cần có thời gian tái hòa nhập xã hội, chị chưa có công việc để đảm bảo được cuộc sống của chị và các con. Do vậy căn cứ quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84- Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cho anh S là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung Nguyễn Thị Như Quỳnh, sinh ngày 16/8/2007 và Nguyễn Thị Mai Phương, sinh ngày 26/10/2011.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa

án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung nên Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh S phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 228, 235, 328, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn S và chị Hà Thị L ly hôn.

2. Về con chung: Giao cả 02 con chung Nguyễn Thị Như Quỳnh, sinh ngày 16/8/2007 và Nguyễn Thị Mai Phương, sinh ngày 26/10/2011 cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

3. Án phí: Anh Nguyễn Văn S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012706 ngày 02/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận anh S đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh S, chị L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Lạ- Chu Quốc Đạt** **Vũ Thị Thiêm**